

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4724	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	29/06/2011			ấp 3, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4725	Nguyễn Hữu Mạo	06/10/1975			ấp 3, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4726	Vòng A Dưỡng	12/12/1934			ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4727	Lê Thanh Hùng	23/02/1980			ấp 3, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4728	Lý Thị Nhật		01/01/1936		ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4729	Chạc A Múi		30/09/1936		ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4730	Lê Văn Mau	01/01/1937			ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4731	Trương Văn Xướng	07/03/1937		270989400	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4732	Lý Ngọc Yên		08/11/2003		ấp 3, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4733	Dip Khinh Phúc	01/08/1936		271325060	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4734	Đỗ Thị Rầu		01/01/1937	270446057	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4735	Nguyễn Thị Màu		20/10/1937	270425547	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4736	Nguyễn Huy Hiệu	05/08/2013			ấp 3, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4737	Lê Thị Thủy Hằng		30/09/1973	272212680	ấp 3, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4738	Nguyễn Hữu Hiền	01/01/1982		271457213	ấp 3, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng.	450.000	1.500.000	
4739	Bùi Thị Quế		08/12/1938	272331069	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4740	Lưu Vầy Chông	01/01/1939		270989657	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4741	Vòng Gia Hưng	19/11/2008			ấp 3, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4742	Nông Thị Hà		04/10/1939	270867640	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4743	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/1940	272505578	ấp 3, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4744	Dương Thị Lan		06/05/1992		ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4745	Dương Đình Tồn	09/05/1959			ấp 4, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng.	300.000	1.500.000	
4746	Nguyễn Thị Tĩnh		10/08/1988		ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4747	Nguyễn Quang Mạnh	25/05/1961			ấp 4, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4748	Nguyễn Văn Bê	01/01/1929			ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4749	Vý Thị Lầu		01/01/1929		ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4750	Nguyễn Thị Nhuận		05/05/1927		ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4751	Phạm Văn Hạnh	01/01/1930			ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4752	Lương Trọng Kỳ	10/01/1928			ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4753	Hà Thị Hương		06/05/1933		ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4754	Huỳnh Văn Ái	10/12/1959			ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4755	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1931		ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4756	Trần Quốc Cường	04/02/1972		271121328	ấp 4, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4757	Tại Thị Mùi		28/07/1967		ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4758	Lê Mạnh Hùng	15/02/2008			ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4759	Nguyễn Thị Hương		30/07/1971		ấp 4, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4760	Lương Bá Hòa	23/12/1969			ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4761	Nguyễn Thị Thắm		01/01/1927		ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4762	Trần Thị Kim Thơ		28/02/1995		ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4763	Trần Văn Tỉnh	01/01/1962			ấp 4, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4764	Phạm Thị Thắm		10/09/1980	122094189	ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con < 36 tháng tuổi	450.000	1.500.000	
4765	Nguyễn Văn Hiệp	26/09/1982			ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
4766	Phạm Thị Thắm		10/09/1980		ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4767	Ngô Xuân Lộc	16/07/2006			ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4768	Trần Thị Quỳnh Như		26/02/2008		ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4769	Trần Văn Thắng	25/01/2010			ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4770	Ngô Văn Thái	15/01/1945			ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4771	Trần Thị Một		01/01/1935		ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4772	Hoàng Thị Hương		26/04/1952		ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4773	Lê Thị Như		01/01/1934		ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4774	Đông Thị Nhự		01/01/1935		ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4775	Phạm Thị Em		01/01/1936		ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4776	Hoàng Thị Huệ		01/01/1936		ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4777	Nguyễn Minh Hoàng	27/01/1995			ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4778	Đặng Thị Ninh		01/01/1937		ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4779	Võ Văn Tông	02/02/1937			ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4780	Ngô Lang		09/09/1939	270425628	ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4781	Lê Thị Nhỏ		01/01/1942	270418842	ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4782	Đặng Ngọc Cư	06/04/1937		272153059	ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4783	Phạm Duy Thanh	10/07/1974		272809850	ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4784	Nguyễn Thị Xuân		19/02/1951	272655386	ấp 4, xã Sông Trà	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4785	Nguyễn Thị Dần		01/01/1938	272217370	ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4786	Trần Duy Liên	22/02/1933		180958084	ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4787	Hồ Thị Cường		10/01/1930	182419244	ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4788	Hoàng Thị Ý		04/06/1938	272581688	ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4789	Nguyễn Đức Duy	25/08/2012			ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4790	Nguyễn Thị Chương		15/12/1990		ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4791	Dương Hoàng Nam	18/02/1993		272410305	ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4792	Dương Xuân Hồng	01/01/1966		272241194	ấp 4, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4793	Nguyễn Thị Loan		01/01/1939		ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4794	Lê Văn Đây	01/01/1939		272300191	ấp 4, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4795	Lê Thùy Trâm		10/11/2017		ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4796	Đinh Thị Hồng Ánh		20/02/1986	271700366	ấp 4, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4797	Phạm Thị Ngoan		23/03/1947	187689643	ấp 4, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4798	Nguyễn Thị Khánh		13/07/1962	270090417	ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4799	Nguyễn Văn Lập	01/01/1940		270425580	ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4800	Hồ Ngọc Anh		01/01/1940	272389722	ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4801	Đỗ Thị Hạnh		01/01/1940	272460073	ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4802	Nguyễn Văn Học	18/02/1961		271859981	ấp 4, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4803	Đỗ Thị Liên		02/04/1940	272394098	ấp 4, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4804	Lê Minh Châu	01/01/1991			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4805	Trần Thị Đỗ		01/01/1956		ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4806	Lê Xuân Mếnh	01/01/1925			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4807	Trương Văn Gang	08/06/1929			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4808	Lê Thị Thọ		01/01/1928		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4809	Lê Thị Kim Ngọc		06/10/1992		ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4810	Phạm Thị Ngân		01/01/1972		ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4811	Trần Sỹ	01/01/1930			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4812	Nguyễn Hữu Phùng	12/01/1931			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4813	Nghiêm Thị Phơ		01/01/1932		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4814	Nguyễn Thị Kỳ		01/01/1932		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4815	Lê Long	16/09/1932			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4816	Nguyễn Thị Thiú		30/10/1932		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4817	Nguyễn Thị Bích Tuyền		14/07/1977		ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4818	Nguyễn Thị Minh		05/05/1955		ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4819	Nguyễn Thị Trung		01/01/1933		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4820	Trương Huê	01/01/1935			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4821	Phạm Từu	01/01/1933			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4822	Lưu Thị Năm		06/05/1934		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4823	Trịnh Văn Cương	11/06/2004			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4824	Lê Thị Tuyết		30/01/1979		ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4825	Trương Gia Bảo	20/09/2010			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4826	Nguyễn Thị Huyền Trang		20/10/1987		ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4827	Phan Thanh Huệ	08/08/1946			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4828	Ngô Thị Yến		02/12/1953		ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4829	Đỗ Tiến Thành	03/04/2007			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4830	Nguyễn Thị Biếu		01/01/1934		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4831	Phạm Thị Hoa		25/07/1951		ấp 5, xã Sông Trầu	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4832	Lê Anh Bắc Ninh	14/02/2002			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4833	Đỗ Anh Quốc	16/12/2007			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4834	Nguyễn Thị Lan		10/05/1955	272365872	ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4835	Nguyễn Hữu Hiếu	19/10/2003			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4836	Vũ Văn Luân	25/05/1987			ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4837	Hoàng Thị Lan		01/01/1935		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4838	Trần Hoàng Minh Khang	07/03/2011			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4839	Nguyễn Thu Hà		01/01/1938	270425133	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4840	Nguyễn Thanh Liêm	15/05/1971			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4841	Nguyễn Minh Mẫn	06/07/1999			ấp 5, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4842	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1936		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4843	Dương Thị Liên		03/02/1964		ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4844	Hoàng Thị Tuy		01/07/1934		ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4845	Nguyễn Đức Toàn	16/01/1953			ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4846	Nguyễn Văn Trính	01/01/1937			ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4847	Hong A Ứng	11/11/1936		271152494	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4848	Phạm Thị Phương		10/10/1963	271748330	ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4849	Nguyễn Thị Thuận		01/01/1937	270434700	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4850	Võ Thị Nguyên		01/01/1938	271693043	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4851	Lã Văn Hoàng	01/01/1938		271797212	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4852	Nguyễn Thị Hạnh		02/02/1940	272851443	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4853	Dương Tấn Mẫn	01/01/1973		271693043	ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4854	Hoàng Thị Cam		12/07/1938	272331238	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4855	Phạm Thị Thanh		01/07/1932	272913766	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4856	Nguyễn Thị Thiêm		01/07/1936	272913681	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4857	Nguyễn Ngọc Trường	12/04/1939		272127878	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4858	Nguyễn Thị Đàm		07/07/1939	272291517	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4859	Từ Đức Bùi	08/10/1939		150954977	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4860	Nguyễn Thị Lục		25/10/1958	181025274	ấp 5, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4861	Lê Thị Bé		01/01/1940	270138801	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4862	Vương Thị Phú		01/01/1940	272127756	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4863	Phan Thị Tích		04/03/1940	276019857	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4864	Trương Văn Phong	08/04/1940		270434445	ấp 5, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4865	Lê Văn Ứng	01/01/1938			ấp 6, xã Sông Trầu	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4866	Lô A Thủy		01/01/2000		ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4867	Lô Quang Thông	01/01/1961			ấp 6, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4868	Nguyễn Lương Tuấn	07/06/2000			ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4869	Nguyễn Văn Hàm	01/01/1927			ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4870	Lê Ngọc Thuyền	01/01/1930			ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4871	Lê Thị Ké		12/01/1934		ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4872	Phún Lý Va	04/08/2009			ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4873	Trần Thị Sánh		01/01/1930		ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4874	Lô Mỹ Lênh		02/11/1998		ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4875	Lý Cún Cú		01/01/1960		ấp 6, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4876	Đỗ Thị Hai		01/01/1928		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4877	Vòng Hám Tsi	01/01/1927			ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4878	Trần Thị Sâm		01/02/1931		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4879	Huỳnh Quang Minh	01/01/1929			ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4880	Vòng Công Lây	01/01/1932			ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4881	Hà Văn Diên	01/01/1933			ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4882	Nguyễn Trọng Nghị	20/02/1933			ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4883	Lê Thị Sâm		01/01/1933		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4884	Đặng Châu Phương Tâm		16/11/2001		ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4885	Châu Mộng Nữ		19/08/1981		ấp 6, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4886	Nguyễn Thị Hương		18/06/1996		ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4887	Nguyễn Thị Kiêm		01/01/1954		ấp 6, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4888	Nguyễn Chí Hạnh	29/10/1993			ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4889	Nguyễn Văn Hiệp	20/11/1969			ấp 6, xã Sông Trà	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4890	Vũ Thành Lương	17/01/2012			ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4891	Nguyễn Thị Thu Hồng		30/07/1970		ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4892	Nguyễn Thị Tánh		01/02/1935		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4893	Vòng Thiên Bảo	28/10/1980			ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4894	Nguyễn Thị Lương		16/05/1935		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4895	Hoàng Văn Toàn	18/03/1972			ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4896	Hồ Minh Lộc	10/08/2003			ấp 6, xã Sông Trà	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
4897	Nguyễn Văn Đường	01/01/1936			ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4898	Bùi Thị Nguyễn		01/01/1936		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4899	Nguyễn Thị Hương		09/10/1936		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4900	Trần Thị Tôn		15/10/1936		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4901	Trần Thị Thảo		02/02/1937		ấp 6, xã Sông Trà	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4902	Đinh Sỹ Hùng	02/10/1963			ấp 6, xã Sông Trà	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4903	Trần Khánh Tiên		13/12/2015		ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4904	Sú A Lý		02/02/1936	270758845	ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4905	Vòng Lý Mùi		23/07/1937	271218286	ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4906	Đào Thị Hoa		25/08/1937	272858578	ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4907	Nguyễn Văn Hòe	01/01/1938		272851792	ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4908	Nguyễn Văn Cầm	16/08/1938		272481696	ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4909	Nguyễn Thị Minh Tuyết		28/05/1954	272560393	ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4910	Đào Thị Quy		01/02/1939	271218535	ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4911	Lê Thị Kim Dung		21/07/2008		ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4912	Bùi Văn Khương	26/09/1999		272695242	ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4913	Tín Nhộc Dưỡng	29/09/1962			ấp 6, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4914	Thường Mùi		09/03/1961		ấp 6, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4915	Hà Thị Riêng		08/10/1939	271033234	ấp 6, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4916	Nguyễn Văn Huân	12/04/1936			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4917	Nguyễn Thị Thanh Hào		01/01/1986		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4918	Nguyễn Văn Huân	01/01/1936			ấp 7, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4919	Lưu Sỳ Mùi		25/05/1935		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4920	Vy Phúc Dũng	01/01/1990			ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4921	Vy Văn Phan	01/08/1953			ấp 7, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4922	Hoàng Ngọc Bích		10/11/1994		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4923	Hoàng Văn Hiếu	01/01/1962			ấp 7, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4924	Nguyễn Thị Dâng		01/01/1925		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4925	Tăng Sỳ Zấn	01/03/1927			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4926	Vy Thị Sáu		01/04/1930		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4927	Đỗ Thị Tuyền		24/05/1988		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4928	Đỗ Văn Long	01/01/1962			ấp 7, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4929	Tần Sỹ		01/01/1929		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4930	Võ Thị Son		25/02/1928		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4931	Phạm Văn Kam	15/10/1930			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4932	Vy Thị Nư		08/01/1930		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4933	Vy Văn San	01/01/1931			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4934	Sù A Sui		01/01/1927		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4935	Nguyễn Thị Vóc		01/01/1930		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4936	Vòng Ứng Mùi		15/09/1931		ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4937	Lộc Thị Phấn		01/01/1918		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4938	Nguyễn Duy Phương	25/01/1981			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4939	Lâm Thị Xéo		01/01/1932		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4940	Nguyễn Thị Hiền		03/03/1935		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4941	Vũ Quang Khai	03/12/1983			ấp 7, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4942	Vũ Văn Lạc	25/03/1932			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4943	Nguyễn Văn Trung	03/03/1933			ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4944	Trần Hoàng Phúc	17/11/2008			ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4945	Vũ Đức Hiền	25/12/1980			ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4946	Ngô Thị Mỹ Kim		18/08/1990		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4947	Gip Quốc Tài	19/12/1962			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4948	Chiềng A Sy		26/03/1933		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4949	Lê Đức Vinh	01/01/1956			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4950	Lý Sát Mùi		06/06/1936		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4951	Đàm Văn Kỳ	27/09/1954			ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4952	Nguyễn Thị Hải		03/04/1937		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4953	Nguyễn Hoàng Dũng	29/03/1999			ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4954	Hồ Tài	19/07/1962			ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4955	Trương Văn Đèo	01/01/1948		364173344	ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4956	Phan Thị Thu Hà		01/01/1956	364173343	ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4957	Huỳnh Hữu Phước	22/01/1962		270434262	ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4958	Lầu Thị Nền	01/01/1939		272778580	ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4959	Vũ Thị Chuát		04/02/1938	272977825	ấp 7, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4960	Trần Thị Thu Hà		02/03/2012		ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4961	Trần Xuân Kính	18/05/1943		272851427	ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4962	Vay Văn Hai	27/12/1971		270034318	ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4963	Chiếngs Thín Phúc	12/11/1963		270867652	ấp 7, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4964	Hồ Kim Anh		01/01/1984		ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4965	Hồ Văn Phòng	28/12/1950			ấp 8, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4966	Nguyễn Văn Út	08/05/1973			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4967	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		21/10/1983		ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4968	Nguyễn Ngọc Châu		01/01/1944		ấp 8, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4969	Chống Vòng Sáng	15/12/1932			ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4970	Vý Thị Văn		09/10/1930		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4971	Nông A Sáng	01/01/1960			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4972	Vũ Minh Đức	05/09/2010			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4973	Lê Văn Nêm	20/06/1932			ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4974	Trần Thị Phương Thùy		01/01/1973		ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4975	Nguyễn Văn Dũng	01/01/1968			ấp 8, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4976	Vũ Đình Thùy	01/01/1952			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4977	Đồng Thị Viếng		03/09/1952		ấp 8, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4978	Phạm Văn Thiệp	20/07/1935			ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4979	Phạm Thị Hát		01/01/1942		ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4980	Phạm Đức Lộc	29/09/1984			ấp 8, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4981	Như Thị Dung		01/01/1935		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4982	Trần Văn Phúc	01/01/1936			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4983	Tô Nhật Vinh	24/03/1985			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4984	Tô Hà	20/03/1956			ấp 8, xã Sông Trầu	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4985	Lê Thị Huệ		30/10/1936		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4986	Tô Thị Nhật		16/03/1988		ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4987	Nguyễn Thị Dĩnh		25/08/1937		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4988	Lê Thị Khôi		15/02/1938		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4989	Vũ Thị Hiền		01/01/1938		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4990	Lê Thị Cẩm		12/02/1937		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4991	Chường A Pát	20/03/1961			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4992	Nguyễn Huy Hoàng	03/04/2006			ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4993	Diệp Văn Mạ	15/10/1938			ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4994	Nguyễn Thị Xuân		27/08/1968		ấp 8, xã Sông Trầu	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4995	Lô Thị Phan		10/12/1938		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4996	Thái thị Châu		01/01/1940		ấp 8, xã Sông Trầu	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4997	Hong Sỹ		01/01/1930		ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4998	Dương A Quang	01/01/1915			ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4999	Trần Thị Nhiều		18/02/1966		ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5000	Nguyễn Thị Dâm		10/09/1934		ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5001	Hoàng Thị Khanh		01/01/1920	270.434.571	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5002	Nguyễn Thị Thơm		01/01/1922	270.447.450	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5003	Tạ Ngọc Pầu	01/01/1925		270.420.697	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5004	Phạm Văn Cường	24/09/1977		271280210	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5005	Nguyễn Thị Thái		10/12/1989	272668847	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5006	Hà Thị Đỗ		01/01/1925	272.308.537	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5007	Nguyễn Xuân Ninh	19/01/1923		161616932	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5008	Hon Mộc Sáng	01/01/1958		270.140.981	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5009	Lại Thị Nuôi		01/01/1929	270.420.746	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5010	Chặc Thín Sênh	01/01/1930		270.032.992	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5011	Chặc Lý Sáng	10/10/1974		271121531	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5012	Lù Hôn	01/01/1930		270.420.937	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5013	Bé Thị Sám		16/09/1930	270.420.771	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5014	Vòng A Kiú		01/01/1931	270.421.011	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5015	Đoàn Thế Tăng	01/01/1930		270.133.409	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5016	Sỳ Cọc Sùi		01/02/1931	260.199.523	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu, phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5017	Trần Thị Xuân		22/02/1925		ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5018	Lã Thị Mân		12/01/1932	270.420.530	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5019	Thông Tài Mùi		01/01/1931	270420939	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5020	Nguyễn Thị Nghĩa		20/08/1932	270420799	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5021	Mạc Trần		15/07/1932	270420630	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5022	Nguyễn Xuân Diễm	01/01/1932		272.154.017	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5023	Lĩa A Pho		20/11/1932	270420876	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5024	Vỹ Thị Hoa		20/04/1934	270.420.760	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5025	Nguyễn Văn Bình	01/01/1933		271.557.102	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5026	Vũ Thị Huệ		01/01/1937	270447562	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5027	Tăng A Hỷ	11/01/1989		272240972	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5028	Ỡ Séc Mùi		02/07/1935	270420617	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5029	Lâu Cùn Mùi		01/01/1936	270420517	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5030	Ngô Văn Nhót	02/04/1936		270420666	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5031	Lý A Mùi		15/05/1936	270420543	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5032	Lý Gia Huệ		09/02/2005	Còn nhỏ	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5033	Lý Tiến Huy	22/11/2002			ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
5034	Lý Gia Linh		14/03/2001	Còn nhỏ	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Trẻ em mồ côi từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi	450.000	1.500.000	
5035	Hà Lê Kiú		07/11/1985	271662541	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5036	Nguyễn Thị Thao		01/01/1937	270420708	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5037	Nguyễn Thị Hoa		03/07/1979	272851936	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	600.000	
5038	Hà Duy Kiên	03/07/1937		270454073	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5039	Hà Trung Trục	07/03/1973		271120706	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5040	Hồ A Pầu	04/08/1937		272153603	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5041	Phạm Văn Phụng	01/01/1938		270429261	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5042	Nguyễn Thị Mật		01/01/1938	270429204	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5043	Lương Đình Long	03/03/1938		271662840	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5044	Viên Nguyệt		05/03/1938	270420729	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5045	Lý Quốc Hưng		20/05/1938	270420728	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5046	Vũ Thị Hằng		15/08/1938	270693922	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5047	Ngô Văn Hợp	22/09/1961		270420695	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5048	Lê Nghè	27/01/1939		270447495	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5049	Phạm Thị Hai		01/01/1939	206371879	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5050	Nguyễn Thị Mai		15/01/1950	272432949	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5051	Đinh Mạnh Tâm		20/02/1957	270121015	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5052	Trần Thị Định		23/04/1961	270447768	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5053	Trần Thành Trung		05/07/1993		ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5054	Trần Văn Sâm		10/06/1955	270446342	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5055	Trần Thị Mai		25/06/1958	270446343	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5056	Nguyễn Trọng Vũ		10/11/1953	270692382	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5057	Đinh Thị Hương		18/09/1962	272241098	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5058	Lê Thị Tâm		01/01/1940	150203522	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5059	Trần Thị Nụ		04/05/1945	270454700	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5060	Hà Thị Kim Ngân		22/06/1985	271662739	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5061	Đoàn Thị Ngọc		01/01/1940	272809145	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5062	Huỳnh Văn Bắc		01/01/1940	270420733	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5063	Phạm Sĩ Quay		10/04/1940	270420475	ấp An Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5064	Nguyễn Bảo Toàn		01/01/1990		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5065	Vũ Thị Nhài		01/01/1963	270.454.813	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5066	Vũ Thị Thom		01/01/1967	270.979.224	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5067	Hoàng Thị Bảo Ngọc		01/01/1966		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5068	Trần Ngọc Tấn Tài	01/01/1984		276088407	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5069	Nguyễn Duy Khang	01/01/2003		Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5070	Nguyễn Trung Hiếu	01/01/1997			ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5071	Nguyễn Thị Thu Một		01/01/1957	270430853	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5072	Nguyễn Thị Phần		01/01/1922	270.447.254	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5073	Nguyễn Thị Ry		01/01/1921	270.693.572	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5074	Vũ Thị Sáng		01/01/1931	270446097	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5075	Kiều Công Lục	01/01/1918		270.430.620	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5076	Đặng Thị Khả		01/01/1925	270430633	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5077	Trần Tiết	01/01/1925		270447538	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5078	Nguyễn Thị Bồi		01/01/1923		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5079	Nguyễn Thị Dân		15/05/1963	270447245	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5080	Trần Thị Cầu		05/01/1926	270.693.154	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5081	Hà Thị Chúc		01/01/1926	270.430.639	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5082	Hà Thị Diễm		06/08/1925	270.430.724	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5083	Nguyễn Văn Lập		01/01/1972	271.169.109	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5084	Nguyễn Hoàng Thi		11/08/1991	272394993	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5085	Nguyễn Trần Bảo Hân		25/06/2002	Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5086	Nguyễn Văn Huy		01/01/1967	270797258	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5087	Nguyễn Thị Đăng		06/10/1929	270.430.499	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5088	Vũ Thị Vinh		01/01/1930	270.430.431	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5089	Nguyễn Thị Ngát		01/01/1930	270.153.917 270994462	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5090	Ngô Thị Mộng Diệp		11/07/1972		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi tên 01 con	600.000	1.500.000	
5091	Phạm Công Bội		01/01/1929	270430438	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5092	Vũ Thị Thôi		01/01/1930	270.687.966	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5093	Đặng Văn Liên		07/07/1927	270.447.138	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5094	Cao Tuyết		15/12/1928	270.447.446	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5095	Nguyễn Lung		01/01/1929	270.447.248	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5096	Nguyễn Một		17/07/1930	270147171	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5097	Nguyễn Thị Xiểu		03/05/1930	270447223	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5098	Đặng Kim Chung	01/01/1928		272153720	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5099	Phạm Văn Vĩnh	01/01/1931		230.005.838	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5100	Nguyễn Văn Tri	01/01/1931		270.454.680	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5101	Nguyễn Văn Nhi	10/08/1928		220.311.033	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5102	Lê Thị Ri		10/05/1934	220311032	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5103	Nguyễn Thị Chánh		22/01/1931	270430457	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5104	Trần Bình	01/01/1929		270.447.293	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5105	Nguyễn Thị Huỳnh		12/02/1938	270447295	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5106	Nguyễn Ngọc Khôi	10/02/1994			ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5107	Vũ Thị Mỹ Dung		29/09/1973	271027426	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5108	Tào Thị Kiều Oanh		09/06/2000		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5109	Lê Thị Kim Cương		01/01/1968		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5110	Bùi Thị Thu Vân		02/03/1977	271250702	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5111	Lê Quang Sang	14/09/1984			ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5112	Võ Thị Bích Diễm		06/09/1992		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5113	Nguyễn Xuân An	28/11/1927		270693482	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5114	Trần Thị Sáng		01/01/1932	270454742	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5115	Nguyễn Văn Thạo	23/02/1932		270454814	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5116	Nguyễn Thị Năng		01/01/1936	270447155	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5117	Nguyễn Gia Phong	02/05/2005		Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5118	Phan Hồng Đăng	19/10/2005		Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5119	Nguyễn Đức Quỳnh Như		30/10/1987		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5120	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		16/04/1959	270430779	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5121	Phạm Hoàng Nam	01/01/1975		272241659	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5122	Lê Sĩ Thuận	02/01/1962		270430958	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5123	Nguyễn Chí	10/08/1921		270522946	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5124	Phạm Thị Dục		01/01/1933	270893123	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5125	Nguyễn Thanh Khiết	07/07/1933		270.455.038	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5126	Nguyễn Thị Nghĩa		01/09/1935	270430649	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5127	Nguyễn Thị Xuân		01/01/1933	250406742	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5128	Nguyễn Nhật Hào	16/08/2009		Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5129	Giáp Văn Đức Huy	03/01/1996			ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5130	Nguyễn Thị Thập		05/10/1950	272603550	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5131	Nguyễn Thị Trục		15/10/1933	270447429	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5132	Nguyễn Văn Lại	15/08/1934		270454662	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5133	Vũ Thị Cúc		29/02/1940	270454666	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5134	Nguyễn Thị Thương		01/01/1934	270455055	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5135	Nguyễn Thị Phương		30/04/1934	270447286	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5136	Kiều Thị Đàm		15/05/1934	270430613	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5137	Phạm Thị Tuyến		07/12/1934	270454917	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5138	Phạm Thị Na		06/06/1936	270447737	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5139	Trần Thị Minh		01/01/1935	272506266	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5140	Phạm Văn Nam	01/01/1935		270430662	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5141	Nguyễn Thị Hạ		01/01/1940	270693153	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5142	Đoàn Thị Nguyệt		01/01/1935	270430841	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5143	Võ Thị Thân		01/01/1935	272153520	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5144	Bạch Ngọc Lý	17/07/1937		271967466	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5145	Bạch Ngọc Thê	14/03/1935		271120587	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5146	Lê Thị Kim Định		10/02/1938	272153920	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5147	Hà Đăng Tuất	24/06/1935		270031884	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5148	Nguyễn Đường	12/05/1937		270454636	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5149	Nguyễn Thị Bát		01/01/1936	270454627	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5150	Phạm Thị Dâng		01/01/1936	272411309	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5151	Nguyễn Kim Hoạt		01/01/1936	270455005	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5152	Nguyễn Thị Khoan		01/01/1936	270447167	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5153	Lê Trường Chinh	01/01/1964		271833029	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5154	Lê Thị Nhi		01/01/1936	272803476	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5155	Nguyễn Văn Hạnh	06/02/1974		272186542	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5156	Phan Văn Thành	03/06/2013		Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5157	Hà Thị Đan Thùy		02/11/1982	271451023	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5158	Đinh Thị Mọi		03/05/1936	270454817	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5159	Trần Thị Số		18/07/1936	270447144	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5160	Nguyễn Thị Tha		07/07/1936	270430823	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5161	Phạm Đức Nghi	04/09/1936		271967157	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5162	Lê Ngọc Hộ	16/10/1936		270430751	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5163	Nguyễn Thị Cầu		25/02/1937	270454777	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5164	Nguyễn Thị Cẩn		01/01/1937	270430704	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5165	Trần Thị Liễu		01/01/1937	270455034	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5166	Lê Thị Tam		01/01/1937	270687918	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5167	Hà Thị Tiến		01/01/1937	270311183	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5168	Nguyễn Thị Vui		01/01/1937	270454773	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5169	Phan Thị Đối		05/01/1937	270406302	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5170	Huỳnh Ở	01/01/1937		270447303	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5171	Phùng Văn Lai	05/03/1937		270430741	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5172	Lê Văn Khái	07/03/1937		020984241	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5173	Phạm Thị Giới		10/06/1937	270447228	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5174	Bùi Kỳ	07/07/1937		272154416	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5175	Nguyễn Văn Quy	12/08/1937		270687983	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5176	Phạm Thị Lịch		01/08/1937	270454788	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5177	Nguyễn Thị Nhung		03/08/1937	270693254	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5178	Dương Thị Mai		20/08/1937	270455096	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5179	Phạm Sửu	20/10/1937		271887858	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5180	Hoàng Thị Liên		01/01/1938	272369812	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5181	Trương Thị Cúc		01/01/1938	272775290	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5182	Phạm Mạnh Hùng	18/01/1938		270454783	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5183	Phạm Ngọc Phương Uyên		22/01/2011	Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5184	Phạm Thị Hoa		12/11/1965		ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5185	Phạm Thị Hồng Hương		14/04/1980	271351843	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5186	Văn Ngọc Thiên Phú	25/08/1999			ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5187	Vũ Văn Sự	01/01/1975		250582111	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5188	Cao Thị Hương		10/05/1938	270454853	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5189	Nguyễn Văn Liêm	07/05/1938		270447273	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5190	Nguyễn Thị Văn		12/06/1938	270447206	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5191	Vũ Văn Lập	12/10/1958		270455091	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5192	Trần Thị Cẩm Tú		18/03/2001	Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5193	Lương Thị Sứ		10/11/1938	251225264	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5194	Nguyễn Thị Lan Anh		26/10/1952	270430851	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5195	Vũ Thành Đông	28/01/2000			ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5196	Vũ Thành Như	15/01/1984		250770414	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5197	Kiều Thị Phát		23/01/1939	270430653	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5198	Lý Anh Minh	01/01/1939		270693179	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5199	Thái Thị Quát		01/05/1939	271562868	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5200	Lê Văn Lô	25/07/1945		271439269	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5201	Trần Bá Tùng	21/01/2012		Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5202	Phan Thị Lan		22/05/1965	270797144	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5203	Vy Thanh Ngân	31/03/1979		271251982	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5204	Phạm Thị Soan		19/09/1939	270536080	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5205	Nguyễn Thị Việt		16/10/1939	270446134	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5206	Nguyễn Thị Ba		03/10/1939	270430670	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5207	Phạm Huy Khánh	05/02/2015		Còn nhỏ	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5208	Hà Mai Quyen		07/09/1985	271662505	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5209	Đoàn Văn Ngoan	01/01/1940		270454961	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5210	Nguyễn Thị Vân		01/01/1940	270454962	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	
5211	Huỳnh Trung	24/12/1939		270447381	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5212	Trần Văn Thận	01/01/1940		270446295	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5213	Trần Văn Đạo	01/01/1940		270430754	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5214	Kiều Thị Thắm		01/01/1940	270430531	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5215	Huỳnh On	01/01/1940		270447375	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5216	Phạm Thị Thuý		08/05/1978	271351874	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5217	Nguyễn Kim Sang	02/03/1940		270447343	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5218	Phạm Thị Thuý		08/05/1978	271351874	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5219	Nguyễn Kim Sang	02/03/1940		270447343	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5220	Cao Thị Tuyên		10/04/1939	250952446	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5221	Nguyễn Tư	25/04/1940		270447233	ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5222	Nguyễn Thị Dung		01/01/1951	270446854	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5223	Nguyễn Thị Kỳ		01/01/1955	272073418	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5224	Thổ Sùng	01/01/1962		270438399	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5225	Nguyễn Thị Ngọc Tiên		20/03/1989	272461737	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5226	Nguyễn Sơn Trung	02/02/1954		270446276	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5227	Nguyễn Thị Thu Trang		01/01/1991	272153673	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5228	Trần Thị Cẩm Vân		01/01/1988	271967458	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5229	Nguyễn Thị Sao		01/01/1936	270446123	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5230	Trần Xuân Nam	01/01/1982		272603586	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5231	Trần Thị Thanh		26/08/1957	270446116	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5232	Phan Văn Đạt	01/01/1971			ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5233	Nguyễn Thị Tấn		01/01/1922	2704330806	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5234	Trần Thị Giáng		01/01/1926	270446054	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5235	Vũ Thị Năm		01/01/1917	270446773	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5236	Nguyễn Thị Năm		01/01/1963		ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5237	Nguyễn Quang Minh	01/01/1929		270693689	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5238	Nguyễn Thị Đuộm		01/01/1934	270693688	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5239	Nguyễn Xuân Anh	01/01/1967			ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5240	Đinh Quang Hách	27/02/1926		272154000	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5241	Đinh Thị Nương		01/01/1978	271764363	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5242	Lê Thị Bé		01/01/1928	270447350	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5243	Vũ Thị Đà		01/01/1930	270446513	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5244	Nguyễn Thị Diệp		15/01/1930	271797483	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5245	Lê Thị Lưu		01/01/1930	270446404	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5246	Đỗ Thị Công		01/01/1930	272291383	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	
5247	Vũ Tiến		01/01/1930	270693338	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5248	Nguyễn Thị Cây		01/01/1935	270693337	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5249	Nguyễn Văn Mạnh		01/01/1930	270446100	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5250	Nguyễn Tăng Hữu		12/10/1927	270447182	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5251	Trình Thị Mèo		03/01/1938	270447231	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5252	Vũ Thị Sáng		01/01/1930	270446097	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5253	Huỳnh Thị Cung		01/01/1928	270438261	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5254	Trương Thị Phươn		01/01/1930	272753985	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5255	Nguyễn Thị Ân		01/01/1931	270033919	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5256	Trần Thị Hồng		10/01/1931	270796250	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5257	Vũ Văn Thiệp	01/01/1963		270796266	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5258	Ngô Thị Số		04/06/1930	270446320	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5259	Nguyễn Anh Việt	22/08/1974		270496515	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5260	Nguyễn Thị Thùy Trang		09/06/1985	271662660	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5261	Nguyễn Lê Minh Nhật	08/07/2006		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5262	Nguyễn Duy Tài	06/09/1964		272241120	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5263	Trần Bá Lục	01/08/1932		270446399	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5264	Trần Thị Cừu		15/08/1935	270446402	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5265	Trần Bá Hùng	01/09/1966			ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
5266	Nguyễn Bá Bích	28/11/1931		270442232	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5267	Trần Thị A		01/01/1932	270430521	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5268	Nguyễn Thị Điều		01/01/1932	270446729	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5269	Nguyễn Thị Nở		01/01/1932	270446440	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5270	Tạ Thanh Hữu	27/07/1981		271451780	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5271	Nguyễn Thị Thủy		15/07/1947	270446760	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5272	Vũ Thị Thêm		01/01/1935	270446519	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5273	Hồ Huỳnh Nhi		11/09/2006	Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5274	Phạm Thị Hòa		20/04/1933	270446494	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5275	Trương Thị Huệ		01/01/1933	270446535	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5276	Nguyễn Văn Lắm		01/01/1933	270446044	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5277	Hà Thị Tuyền		01/01/1936	270446046	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5278	Nguyễn Thị Phòng		10/10/1933	270693602	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5279	Hoàng Giáp Trụ		10/10/1933	270446487	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5280	Ngô Tấn Phước		01/01/2005	Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5281	Đặng Thị Thâm		01/01/1934	272636902	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5282	Nguyễn Thị Nhấn		09/09/1934	270446326	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5283	Nguyễn Thị Thêm		15/02/1934	270693403	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5284	Trần Thanh Long		17/11/2009	Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5285	Phan Thị Hoa		06/03/1954	270446079	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5286	Trịnh Thị Thảo Trang		01/08/2010	Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5287	Quách Thị Ngân		20/11/1984	272073356	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5288	Nguyễn Thanh Đức Thành		09/12/2010	Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
5289	Nguyễn Thanh Đức	06/08/1979		271313919	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5290	Nguyễn Trần Xuân Quý	25/02/2012		Còn nhỏ	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
5291	Trần Thị Bích Duyên		01/01/1987	271706205	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
5292	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1935	270447334	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5293	Đàm Thị Hợi		01/01/1935	270446229	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5294	Nguyễn Thị Khiêm		01/01/1935	270446373	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5295	Nguyễn Thị Tốt		27/01/1935	270446207	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5296	Hồ Thị Vàng		17/01/1935	270430491	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5297	Cao Thị Lan		15/02/1935	270446062	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5298	Tổng Văn Bốn	12/06/1935		270446264	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5299	Đinh Văn Cơ	06/12/1950		270922118	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
5300	Trần Quốc Trung	18/11/1935		270446032	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5301	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1936	270446238	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5302	Lê Kham	01/01/1936		270430859	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5303	Nguyễn Thị Nhung		23/09/1938	270430860	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5304	Nguyễn Văn Tường	01/01/1936		270447404	ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	